TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST Ngày: 30/01/2024 V/v: "Ly hôn giữa chị Hải A và anh T"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chỉnh

Ông Nguyễn Thế Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 185/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hải A, sinh năm 1993(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 1 P, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Hải A trình bày: Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc do anh T đã nhiều lần xúc phạm nhân phẩm, không tôn trọng chị, sử dụng bạo lực và đe dọa chị. Vợ chồng đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 10/2023. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ có tiếp tục chung sống cũng không có tương lai nên đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho

chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Đỗ Hải L sinh ngày 28/6/2022, hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn, chị mong muốn được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nhân viên văn phòng của công ty Sumi, khu công nghiệp Bảo Minh thu nhập trung bình một tháng khoảng 15 triệu đồng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về T sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị Hải A vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2023, bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị Hải A kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, to tiếng xúc phạm nhau dẫn đến xô xát anh có đánh chị Hải A một lần khoảng tháng 5/2021. Sau đó chị Hải A về nhà mẹ đẻ ở. Bản thân anh và gia đình mong muốn hai bên gia đình ngồi lại hòa giải nhưng chị Hải A và gia đình chị không muốn gặp. Nay chị Hải A xin ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương con, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: vợ chồng anh có một con chung là Đỗ Hải L sinh ngày 28/6/2022 hiện đang ở với mẹ. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về T sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Đỗ Văn T vắng mặt lần hai không có lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

1. Về hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử ly hôn giữa chị Trần Thị Hải A và anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cho chị Hải A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải L, sinh ngày 28/06/2022, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: chị Hải A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Văn T hiện vẫn có hộ khẩu thường trú tại xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Trần Thị Hải A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Hải A và anh Đỗ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị Hải A và anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng không tôn trọng nhau to tiếng xúc phạm dẫn đến xô xát. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2023 đến nay. Chị Hải A xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và anh T không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T không nhất trí ly hôn đề nghị vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục nuôi dưỡng con cái.

[4]Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Hải A và anh Đỗ Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, bản thân anh T cũng không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hải A đối với anh Đỗ Văn T.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Trần Thị Hải A và anh Đỗ Văn T có 1 con chung là Đỗ Hải L, sinh ngày 28/06/2022. Chị Hải A có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có đề nghị giải quyết về nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện hoàn cảnh của các bên, Hội đồng xét xử thấy cháu L còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp của mẹ vì vậy nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung của chị Hải A là phù hợp và cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: giao cho chị Hải A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải L, sinh ngày 28/06/2022, chấp nhận sự tự nguyện của chị Hải A không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

[6] Về T sản: Chị Trần Thị Hải A và anh Đỗ Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Hải A phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hải A, anh Đỗ Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hải A và anh Đỗ Văn T

2. *Về nuôi con chung chưa thành niên:* Giao cho chị Trần Thị Hải A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải L, sinh ngày 28/06/2022; chấp nhận sự tự nguyện của chị Hải A không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh Đỗ Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

2. Về án phí: Chị Trần Thị Hải A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu số 0004911 ngày 17/11/2023.

4.*Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị Hải A và anh Đỗ Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tống đạt hợp lệ

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện T: 01 bản
- UBND xã T: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

Bùi Xuân Thọ